

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-01-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị Phan Thị D
và anh Doãn Văn T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Ngọc Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Xuân Trường.

Ông Trần Hà Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 tháng 01 và ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị D; sinh năm 1993; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm S, xã G1, huyện G, tỉnh N; nơi ở hiện nay: Xóm C, xã G1, huyện G, tỉnh N; “vắng mặt”.

Bị đơn: Anh Doãn Văn T; sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm S, xã G1, huyện G, tỉnh N; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09- 8- 2021, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Phan Thị D trình bày:

Chị và anh Doãn Văn T tự nguyện tìm hiểu, được Ủy ban nhân dân xã G1, huyện G, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21- 6- 2013. Sau khi cưới,

vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng nhiều lần xảy ra xô xát. Vào ngày 20 -7- 2018, chị đã đi khỏi nhà anh T, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa đề nghị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy giải quyết cho chị được ly hôn anh Doãn Văn T.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Doãn Minh Q; sinh ngày 14- 4- 2014 và Doãn Thảo Ng; sinh ngày 01- 8- 2016. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cả 02 con chung đều do anh T nuôi dưỡng, ly hôn chị nhường quyền nuôi cả 02 con chung cho anh T.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, ruộng nhận khoán của hợp tác xã: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Doãn Văn T nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do.

Tại bản tự khai, cháu Doãn Minh Q trình bày nguyện vọng: Bố mẹ ly hôn, cháu xin được ở với bố.

Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 29-10- 2021, đoàn thể cũng như đại diện Ủy ban nhân dân xã G1, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cung cấp: Chị Phan Thị D và anh Doãn Văn T được Ủy ban nhân dân xã G1 cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21- 6- 2013. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như thế nào địa phương không biết được. Nay chị D đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết vụ án. Vợ chồng có 02 con chung là Doãn Minh Q; sinh ngày 14- 4- 2014 và Doãn Thảo Ng; sinh ngày 01- 8- 2016; nếu Tòa án giải quyết ly hôn đề nghị nên giao cả 02 con chung là cháu Q và cháu Ng cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Vợ chồng không vướng mắc gì về tài sản, công nợ đối với tập thể.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị D. Về con chung, giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung là Doãn Minh Q; sinh ngày 14- 4- 2014 và Doãn Thảo Ng; sinh ngày 01- 8- 2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phan Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Doãn Văn T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai; căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị D và anh Doãn Văn T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G1, huyện G, tỉnh N vào ngày 21- 6- 2013 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng xảy ra xô xát bất đồng. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 20- 7- 2018 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T, nhưng anh T không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Như vậy, anh T không tha thiết đến cuộc sống chung của vợ chồng nữa. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc. Vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị Phan Thị D xin ly hôn anh Doãn Văn T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Doãn Minh Q; sinh ngày 14- 4- 2014 và Doãn Thảo Ng; sinh ngày 01- 8- 2016. Xét nguyện vọng của chị D, của con chung, ý kiến của địa phương xã G1; nay giao cả 02 con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được là phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con, khi nào anh T có đơn đề nghị yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với chị D, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Chị Phan Thị D được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phan Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Phan Thị D và anh Doãn Văn T.

2. Về con chung: Giao anh Doãn Văn T tiếp tục trực tiếp nuôi cả 02 con chung là Doãn Minh Q; sinh ngày 14- 4- 2014 và Doãn Thảo Ng; sinh ngày 01- 8- 2016 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Chị Phan Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

Chị D được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phan Thị D phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị D đã nộp theo biên lai thu số 0000004 ngày 07 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy nay được chuyển thành án phí (chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị D và anh Doãn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã G1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ông Ngọc Lễ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Xuân Trường Trần Hà Bắc

Ông Ngọc Lễ

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã G1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ông Ngọc Lễ